

TRUYỆN CÁC TRẠNG

CẬU HAI HÓT

Thuở đó, dưới triều vua Thành Thái, ở kinh đô Huế, có một chàng trai có biệt tài là rất khéo mồm, khéo miệng. Ngồi nói chuyện, dù là đàn ông hay đàn bà, người già hay trẻ, chỉ trong chốc lát, anh ta khéo léo tán tỉnh, dắt dẫn câu chuyện như thế nào đó, làm người nghe bị chinh phục, bị mắc lừa và thua cuộc, hoặc phải chấp nhận cái tài của anh ta mà chịu đến. Có khi, người đối thoại với anh đã có ý thức cảnh giác vì đã từng nghe đồn đại về anh, thế mà rồi vẫn bị mắc lừa như thường. Lối tán tỉnh như vậy, tiếng Huế gọi là “hót”. Vì vậy, người ta mệnh danh cho chàng trai này là anh Hai Hót.

*

*

*

Tiếng đồn về tài “hót” của anh đã vang đến tai nhà vua. Một hôm, vua Thành Thái cho lính tìm gọi anh vào cung, ra lệnh :

- Nghe nói anh có tài “hót” lắm. Vậy ngay bây giờ cho anh thi hót với ta, để ta xem. Nếu hót được thì ta cho ba lạng bạc. Nếu không chỉ là tuồng nói láo, không chém đầu cũng phải phạt tù.

Hai Hót nghe lệnh, hoảng kinh, đứng sững người như anh mất hồn, nước mắt nước mũi ràn rụa, chừng như muốn ngã sấp xuống. Thành Thái lại quát :

- Nghe nói thường ngày anh liến láu lắm kia mà. Sao bây giờ lại mất hồn mất vía như thế. Mặc kệ cứ phải hút ngay. Không hút ta chém đầu.

Hai Hót run rẩy như người lên cơn, cổ hết sức lắp bắp :

- Dạ, muôn tâu bệ hạ, con xin hút chứ không dám vi lệnh bệ trên. Chỉ vì đột nhiên bị bắt vào nên con luống cuống. Lại thêm con vốn nghiện thuốc lâu. Từ sáng đến giờ chưa hút, mấy thầy đội cứ lôi thẳng con đi. Đến đây, nhìn thấy diếu, thấy trà thuốc, cơn nghiện lại hành hạ làm con không sao đứng vững. Con không làm sao hút được. Xin ngài ngự chém đầu con đi.

Thành Thái vẫn nghiêm nghị, nhưng lại tỏ vẻ bao dung :

- Nghiện hử ? Thèm thuốc hử ? Đấy cho hút đi. Hút rồi phải hút mau !

Nhà vua sai thị vệ đưa diếu và cho cả thuốc nạp vào nữa. Đúng như anh nghiện gặp thuốc. Hai Hót vồ lấy, hút một hơi khoan khoái, phả khói ra, mặt mày tươi tỉnh hẳn lên. Xong hơi đầu, hẳn còn rút tiếp một lúc nữa rồi mới buông diếu ra, hoàn toàn thỏa mãn. Tiếp đó lấy dáng điệu nghiêm trang hơn hờ, chấp tay chờ lệnh nhà vua.

Thành Thái giục :

- Cho hút rồi ! Hót đi !

Hai Hót khoanh tay lễ phép :

- Dạ, muôn tâu, con hót rồi.

Thành Thái trợn mắt :

- Mi dám đùa với vua à ? Mi hót hồi nào ?

Hai Hót vẫn bình tĩnh :

- Muôn tâu bệ hạ, dạ chính thị vừa rồi, con mới hót được của đức bệ trên một điệu thuốc. Dạ như con biết thì khắp thiên hạ từ quan chí dân, có ai được hút thuốc và dùng điệu của nhà vua đâu. Thế mà bệ hạ đã rộng lòng cho con...

Thành Thái ngã ngửa người ra. Té ra hần hót là như thế. Hần lừa ngay trước mắt, vua đành chịu. Giữ lời hứa, vua đành phải cho hần mấy lạng bạc, và gật gù :

- Chà ! Cái thằng hót giỏi thật !

PHỦ TUẤN

Phủ Tuấn tên thật là Võ Văn Tuấn, người làng Mỹ Lộc, xã An Thủy, huyện Lệ Thủy (huyện Lệ Ninh, tỉnh Quảng Bình ngày nay). Ông đỗ cử nhân thời Tự Đức, được bổ nhiệm làm tri phủ ở Quảng Ngãi. Tuy là một người trong hàng ngũ quan lại, nhưng do tính tình ngang tàng, cương trực của mình, ông đã nhiều lần tỏ ra có lương tri chống đối lại bọn thống trị. Nhân dân có thiện cảm với ông đã truyền tụng xung quanh ông khá nhiều giai thoại.

1. VIẾT CHỮ THỜ

Ở vùng Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình ngày xưa, người ta có tục nhờ những người viết chữ nho đẹp viết những chữ thờ để dán trên trang, hoặc ở nơi đặt bàn thờ.

Thuở ấy, người ta gọi học trò là thầy khóa. Hồi còn là “thầy khóa”, nhà bố vợ lập một cái bàn thờ nhỏ ở bếp, mới bảo ông : Khóa Tuấn học hành xưa nay, bây chừ viết cho thầy mấy chữ để thờ thần bếp.

Khóa Tuấn liền lấy bút viết hai chữ lớn : “TUẤN CAO” (bằng chữ Hán).

Ông bố vợ vốn không biết chữ, kính cẩn treo trên bàn thờ ông táo.

Một hôm có người khách đến chơi trông thấy, hỏi :

- Chữ thờ trong bếp rằng lại viết là "Tuấn Cao".
Eng (anh) Tuấn con rể của bác đã chết đâu mà bác lập bàn thờ.

Bố vợ sửng sốt, cho người đi gọi khóa Tuấn đến trách :

- Tưởng học hành khá, tui nhờ viết chữ thờ, ai ngờ anh lại viết tên anh đang còn sống sờ sờ ra đó mà để trên bàn thờ.

Khóa Tuấn lễ phép thưa :

- Thưa thầy ! Ai nói rứa là họ chưa thông đó thôi. Con viết đúng ý thầy đó ạ.

- Anh nói đúng ý tôi là đúng hẳn rằng ? Tôi bảo viết chữ thờ là thờ thần bếp, thờ ông táo, chứ không phải thờ tên người viết ở đây.

Khóa Tuấn ôn tồn đáp :

- Thưa thầy con viết đúng thế ạ. Hai chữ "Tuấn Cao" có nghĩa là "táo quân" nói lái lại thôi. Ở bếp thì thờ táo quân, rằng gọi là dốt được.

2. ĐẠI DĨ

Ở làng Mỹ Lộc có vợ một người phú hộ. Thường ngày mẹ ta rất lẳng nhăng, tặng tịu hết thấy với đám hào lý, nhưng cứ làm bộ đoan chính. Khi chồng chết thì khóc lóc ra chiều thảm thiết, làm ma chay đình đám rất ồn ào... Lại bày trò xin chữ để thờ. Khoá Tuấn ghét cay ghét độc cái thói đời giả trá ấy, nên viết luôn cho một chữ “dĩ” rất lớn. Chữ to choáng hết cả một trang giấy, nét chữ bay bướm rất đẹp.

Không ai hiểu ý nghĩa thế nào. Hỏi ông, có lúc ông giảng giải một thôi một hồi những câu cú nào đó trong sách cũ, nào là “dĩ chi sự lễ” (nghĩa là lấy lễ mà thờ) v.v... Nhưng có lúc ông lại bảo khē người hỏi :

- Chữ “dĩ” to sù sù ra thế mà chú không hiểu à ? Chữ Hán, “đại” nghĩa là to. Chữ “dĩ” viết to tức là chữ “dĩ” rất lớn. “Đại dĩ” nói lái là “dĩ đại” chứ còn gì nữa. Treo bảng cho thiên hạ biết đây là “đại dĩ” !

3. NHẬN HỐI LỘ

Thời làm tri phủ, có một lão phú hộ đánh người tá điền gây thương tích, nạn nhân phát đơn kiện, và lão phú hộ bị ông tổng giam đợi ngày xét xử. Và đây không phải lần đầu y đánh người. Lão tìm cách lo lót ông để chạy tội.

Ông hẹn :

- Muốn khỏi tội, phải chịu cho ông mười nén bạc. Nội hoàng hôn ngày mai phải có đủ !

Ông tạm tha hẩn về. Tên này hí hửng tưởng bao nhiêu, chứ mười nén thấm tháp chi, “mèo cào chẳng sệ phen”. Đúng hẹn, hẩn mò đến dinh quan phủ và tìm gặp ông. Người nhà báo với hẩn là ông đang ở chuồng heo. Lúc này, ông ăn mặc rất tề chỉnh, đi hia đội mũ, mặc áo quan. Tên này xuống nơi chuồng heo, khúm núm dâng mười nén bạc. Ông bảo :

- Mi chuỗi vô tay áo thụng cho ta.

Ít hôm sau, ngồi ghế chánh án, ông tuyên phạt tên này năm năm tù khổ sai về tội đánh người trọng thương. Hẩn chưng hửng, biết mình bị lừa, nên dứt lót tiền lên quan tỉnh, kiện ông ăn hối lộ. Phủ Tuấn bị đòi lên tỉnh để đối chất. Trước mặt các quan hàng tỉnh,

phủ Tuấn nhất định không chịu nhận và xin tòa bắt tên phú hộ kia phải khai rõ hắn đưa bạc cho ông ở đâu, vào lúc nào, lấy gì làm chứng. Tên này khăng khăng kể hết sự tình.

Tòa vặn lại :

- Thế mi giao bạc cho quan phủ ở đâu :

- Dạ... ở nơi chuồng heo nhà ông ấy.

Quan tòa trở mặt :

- Thế nào ?

- Dạ, bẩm, lúc đó quan phủ đội mũ, đi hia, mặc áo quan và đang cho heo ăn ạ ! Chính con đã nhét mười nén bạc vào tay áo thụng của quan.

Phủ Tuấn phì cười :

- Bẩm các cụ lớn, rõ ràng là tên này đã bịa đặt mà lại còn láo xược ! Có đời thuở nhà ai cho heo ăn mà lại mặc phẩm phục ? Tui đề nghị tòa tăng án phạt hắn thêm năm năm nữa về tội khinh thị đạo thánh hiền, vu khống quan trường...

Lão phú hộ bù lu bù loa, nhưng ai mà nghe lời hắn.

4. TRÂU PHẢI ĐƯỢC VỀ ĐÚNG CHỦ CỦA NÓ

Một lần, Phủ Tuấn xử kiện vụ mất trộm trâu. Bên nguyên là một nông dân kiện bên trộm trâu là một nhà phú hào có thế lực. Ông này cả quyết rằng trâu ấy là của mình. Phủ Tuấn liền xuống tận nơi thị sát. Sau khi nghe cả hai bên bày tỏ, quan phủ hỏi bên bị :

- Nhà mi có mấy con trâu ?

- Thưa nhà con có năm con tất cả ạ !

- Mi có biết đặc điểm chi về con trâu ni (này) không ?

- Bẩm có ạ !

Thế rồi gã phú hào kể vanh vách khá chi tiết từng đặc điểm về con trâu ấy : cao ba thước hai phân, dài sáu thước năm phân⁽¹⁾. Có tám khoáy : một khoáy trước trán, một ở đỉnh đầu, hai khoáy ở dọc sống lưng, hai khoáy ở hai bên bả vai, hai khoáy ở hai hông cổ, hông nước; đuôi dài thước năm. Trâu có bốn răng.

⁽¹⁾ Thước đây là thước ta, thước mộc bằng 40 centimét.

Sừng cong, cái bên trái dài hơn cái bên phải hai phân. Mỗi sừng có sáu lỗ hỏm, nông sâu khác nhau.

Quan phủ Tuấn quay sang hỏi bên nguyên. Bên nguyên thưa :

- Bẩm quan ! Nhà con chỉ có mỗi con trâu nớ. Khi đặt cày vô cổ con trâu, con lấy tay gãi gãi vô bên má trâu, là hần thò lưỡi ra liếm tay con.

Phủ Tuấn bảo :

- Vậy anh làm thử trước mặt ta và có đông đảo bà con, các chức sắc ở làng cùng xem ở đây.

Anh nông dân đặt ách cày vô cổ trâu, đoạn xoa xoa tay vào má nó. Con trâu thò lưỡi liếm mãi vào tay anh ta.

Mọi người thấy thế reo lên.

Phủ Tuấn hỏi tiếp :

- Bên bị ! Còn đặc điểm các con trâu còn lại của anh ?

Gã phú hào lúc này lúng túng, đứng thuôn mặt ra như ngỗng. Phủ Tuấn vỗ đùi đánh đét, cười ha hả :

- Thế là trắng đen đã rõ ! Xưa nay nuôi trâu có đi đếm đo từng đặc điểm của trâu bao giờ. Mi không nói được đặc điểm của bốn con trâu kia là phải thôi.

Kẻ trộm trâu, đứng cúi gằm mặt xuống, nhận tội.

MÂN NHỤY

Mân Nhụy là người họ Cao, ở xã Đào Viên (huyện Diễn Châu, Nghệ Tĩnh), sống vào khoảng nửa đầu thế kỷ XIX. Có tài văn chương nhưng không đỗ đạt, sống cuộc đời nho sĩ phóng khoáng, nghèo nàn. Nổi tiếng về tài kể chuyện “Trạng”, tài châm biếm đả kích, nên nhiều người ở địa phương gọi ông là ông Trạng.

1. CHỮA BỆNH OAN GIA

Trong một chuyến đi từ huyện Diễn Châu lên vùng Đô Lương, dọc đường đi nghỉ chân, ông gặp một đám tang. Người địa phương kể cho ông biết người chết là một tên cường hào, chuyên nghề khoét nặn, vừa mới dùng quyền hành và mưu mô cướp đoạt mấy mẫu ruộng của một người trong làng thì lăn đùng ra chết. Mân Nhụy hỏi họ tên, con cái, hoàn cảnh, bệnh tình của chủ nhân, rồi ngay đêm ấy, tại nhà trọ, ông mang giấy bút ra, thảo một bài văn ai thống thiết.

Sáng hôm sau, đầu quần khăn tang, ông đến nhà tên cường hào kia. Không đợi cho người nhà hỏi han, ông đứng ngay trước bàn thờ, bái mấy cái, rồi giở bài văn ra đọc. Mọi người đứng quanh đều xúc động vì lời lẽ rất thống thiết.

Đọc văn xong, ông ngã khuỵu xuống chiếu. Tang chủ vội vàng dìu ông ra. Cố nhiên họ không nhận ra ông là ai. Ông làm bộ thản nhiên gọi đúng tên anh chàng con trưởng ra trách :

- Anh không biết. Tôi với ông bố nhà anh là bạn cố hữu.

Mới rồi, tôi với ông nhà anh còn trò chuyện, khi gặp nhau ở trên tỉnh. Tiếp đó, ông kể lể thêm một số chuyện vừa mới nghe bà con địa phương kể đêm qua. Cả nhà đều tin thực ông là bạn thân người quá cố.

Thừa dịp vắng người, ông mới gọi riêng hai mẹ con anh chàng con trưởng đến nói chuyện thân mật :

- Tôi nói thật cho bác và cháu rõ. Bác trai mà. Bác trai mà bị bất hạnh thế này là tại bác ấy không biết nghe tôi.

Đạo trước, bác trai gặp tôi trên tỉnh, có hỏi tôi về chuyện định tậu mấy mẫu ruộng ở nơi ấy, nơi ấy, vậy đã tậu được chưa ?

Mọi người càng tin ông là bạn thiết cốt của chồng, của cha mình. Chuyện mưu mô kín đáo này thì làng

xóm mấy ai hay, mà ông này lại biết được. Họ nhận là đã được làm chủ đám ruộng ấy rồi. Mân Nhụy chép miệng :

- Thế thì nguy đấy ! Không phải nguy một lúc, mà suốt ba năm, sẽ mất luôn ba mạng ! Tôi thì không có thì giờ ở lại, nhà ta cũng đang bối rối thế này. Bác và cháu nên để ít hôm nữa, lên xem lại đất, nếu không hợp thì cho người ta chuộc đi, chứ không còn là nạn cho nhà ta nữa đấy...

Mấy ngày sau khi Mân Nhụy cấp áo ra đi mẹ con người này lập tức đi tìm chủ cũ, thương lượng để được hoàn lại ruộng.

2. TÌM VỢ CHO QUAN PHỦ

Có quan phủ chết vợ, muốn lấy vợ kế. Dựa tình quen biết, quan nhờ Mân Nhụy giới thiệu cho một người. Mân Nhụy nhận lời và mời quan ngày hôm sau ra chợ xem mặt. Ra đến nơi, ông bảo quan đứng xa quan sát, còn ông thì vào trò chuyện với một cô hàng vải rất thân mật.

Trên đường về, quan phủ công nhận với Mân Nhụy rằng quả tình cô gái này thật là "sắc nước hương trời", trông bộ dạng nói năng thì cũng thanh lịch. Quan

hỏi ngay tên họ tuổi tác và nhà ở của cô ta, Mân Nhụy giới thiệu rất rành mạch...

Ba hôm sau, Mân Nhụy lại gặp quan. Quan cau mặt bức vội nói với ông :

- Sao ông lại cho tôi coi mặt cái cô ấy ?

- Sao ạ ?

- Tôi đã cho gia nhân đến nhà thăm hỏi tình hình, thì gặp lúc cô ta cho con bú. Quan phủ đáp.

- Vâng thì cô ta đã có con, chồng cô ta vẫn ở nhà, chứ sao.

- Thế thì lấy cô ta thế nào được ?

- Bẩm quan, việc lấy hay không là quyền quan lớn chứ ạ. Quan lớn chỉ bảo tôi kiếm cho quan lớn "người đẹp". Tôi cho cô ấy đẹp nhất ở vùng này. Quan cũng bảo là "sắc nước hương trời" kia mà !

Quan phủ bây giờ mới chưng hửng ra.

3. AI THUA CUỘC ?

Một lý trưởng, bạn thân của Mân Nhụy, thường tự phụ là có vợ đẹp và rất đoan trang. Ông bảo : Anh con trai nào chỉ cần sờ vào vú bà xã tôi một lần, thì tôi cho

hắn một sào ruộng và một con bò. Mân Nhụy cười bảo ông :

- Chắc chắn như thế không ? Sau này ông không được chối nhé !

- Chắc chứ ! Quân tử nhất ngôn mà !

Chiều hôm sau, Mân Nhụy đến nhà ông lý, cả hai vợ chồng ông đều ở nhà. Ông lý đi rót nước. Bà lý ngồi trên phản kê bên, vạch vú cho con bú.

Mân Nhụy đến gần. Ông móc túi lấy hai quả mạn đỏ ra giơ trước mặt cháu bé.

- Đây ! Đây ! Của cháu đây !

Đứa bé toét miệng cười, nhả vú ra, giơ tay cầm mạn, Mân Nhụy úp cả hai tay mình vào vú bà lý, nói đùa với em bé :

- Còn đây là của chú !

Đứa bé vẫn cười toe toét, lại gật đầu nữa. Bà lý then đỏ mặt. Mân Nhụy cười ha hả, đến vỗ vai ông lý :

- Mai tôi đến dắt bò nhé. Còn ruộng, ông cho thửa nào cũng được, tùy ông chọn lấy.

TRẠNG BỜ AO

Ông Vũ Đức Huyền người làng Tả Ao, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, mồ côi cha từ nhỏ, mẹ già mắc bệnh đau mắt sau bị lòa. Ông là người con hiếu thảo, đi khắp nơi tìm thấy thuốc để chữa mắt cho mẹ. Sang Tàu học được nghề địa lý, ông về nước đi khắp nơi làm thầy lang chữa đau mắt và làm thầy địa lý. Người đương thời gọi ông là “thánh địa lý”. Nhưng nhân dân vùng Nghệ An, Hà Tĩnh gọi là ông “Trạng Bờ Ao”.

1. ĐỂ CUỘC ĐẤT PHÁT NGHỆ THỢ CẠO⁽¹⁾

Có lần ông Tả Ao đi qua một làng nọ, gặp ngay làng đang có đám. Cờ xí treo rợp cửa đình, người ra kẻ vào lao xao, nhốn nháo. Các cụ quan viên thì chề

(1) Chung quanh Tả Ao có rất nhiều truyện, phần lớn tập trung vào đề tài phong thủy, địa lý, kể cả truyện Tả Ao đi học bên Trung Quốc, Tả Ao để mả ở Hàm Rồng, và ngôi đất huyết thực khi ông mất v.v... Những mẩu truyện ấy vẫn có thể nghiên cứu phân tích theo nhiều hướng, chứ không phải là truyện dị đoan nhằm đề cao những việc hàm hồ, mê tín. (tiếp trang sau)

chén lu bù, cười nói oang oang. Có một cụ kỳ mục biết mặt ông Tả Ao, liền cho mời ông vào xơi rượu.

Nể lời, ông cũng vào lễ thần, rồi cùng ngồi vào dự tiệc. Các cụ bô lão hơi men chuẩn choáng, ề a nói :

- Thật tình chúng tôi nghe tiếng cụ đã từ lâu, bây giờ mới biết mặt, nhân thể cụ qua đây, xin cụ đặt cho cái hướng đình làng.

Ông Tả Ao mỉm cười :

- Vậy các cụ muốn thế nào thì cho biết ý.

Một cụ chắc là tiên chỉ làng, ra chiều kẻ cả, vuốt chòm râu bạc, rung đùi gật gù nói :

- Làng chúng tôi xưa nay chẳng ai học hành đỗ đạt gì, mong sao kỳ thi này vớ được nhiều vị khoa mục, thì phục cụ là tài giỏi.

... Song chúng tôi chỉ tập trung vào mấy ý nghĩa nổi bật nhất mà nhân dân gởi gắm vào trong hệ thống truyện Tả Ao để phê phán thói ham danh vụ lợi của người. Chúng ta sẽ có dịp nghiên cứu Tả Ao trong một chuyên đề thích hợp hơn. Về nhân vật Tả Ao, tài liệu cũng chưa đầy đủ. Những sách như *Công dư tiếp ký*, nhất là *Đặng khoa lục siêu giảng* (nói về truyện mô mả rất nhiều) đều chép tên ông là Vũ Đức Huyền (có bản ghi Nguyễn Đức Huyền). Sách *Lịch Triều Hiến Chương loại chí* lại chép tên là Hoàng Chiêm. Ở làng Tả Ao, nay thuộc xã Xuân Giang, sát huyện lỵ huyện Nghi Xuân (Nghệ An). Hiện nay không thấy chi họ nào nhận là dòng dõi của Trạng Bờ Ao hay của Thánh Tả Ao cả.

Một cụ khác tay vung lên, hào hứng nói oang oang :

- Đùng thế ! Chúng tôi chỉ mong làm sao được phát quan to để đề đầu vít cổ thiên hạ thì mới thú.

Ông Tả Ao gật đầu đáp luôn :

- Bẩm vâng ! Nếu bà con tán đồng ý kiến của các cụ thì tôi xin cố gắng giúp được như thế, cả làng ta sẽ được "đề đầu vít cổ thiên hạ".

Các cụ kỳ lão đắc chí vỗ đùi, vỗ vế, cười nói hoan hỉ.

- Ủ có thể chứ ! Đã gặp cụ Tả đây, tất phải được cuộc đất chứ !

Ông Tả Ao làm ra vẻ sốt sắng :

- Mời các cụ, ta cùng đi ra cắm hương đình thôi.

Các cụ hương hào chúc dịch của làng khua lẹp kẹp các đôi guốc mộc, phe phẩy cái quạt giấy trên tay, miệng nhai trầu bóm bẻm, lục tục cùng ông Tả Ao đi tìm đất đặt hương đình.

Cắm đất xong, ông cáo biệt, đi luôn.

Từ đấy các cụ kỳ lão đi đâu cũng khoe rầm lên rằng : Đình làng mình được cụ Tả Ao cắm hương cho, chỉ nay mai là phát lớn cả làng đề đầu vít cổ thiên hạ cho mà xem.

Ít lâu sau, đất làng ấy phát thật. Nhiều người làng đi tha phương cầu thực, học được nghề thợ cạo. Thấy

làm ăn được, lại bỏ ít vốn để học nên trở về làng dắt kéo nhau, anh dạy nghề cho em, bố truyền nghề cho con. Lúc đầu dăm bảy người, dần dần cả làng đi làm nghề thợ cạo. Dụng cụ đồ nghề chỉ là cái dao, cái kéo, bộ ngoáy tai để "đè đầu vít cổ thiên hạ" mà cắt tóc, cạo râu, cạo gáy, ngoáy tai...

2. ĐỂ CUỘC ĐẤT PHÁT NGHỀ ĐAN BỒ

Chuyện rằng một tối nọ, ông Tả Ao đi qua làng Đoài, gặp lúc làng mở hội. Cảnh nhộn nhịp, người làm ăn tứ xứ cũng lũ lượt kéo nhau về dự hội. Ông cũng lẫn trong đám đông, xem hát chèo ở sân đình. Có một vị kỳ mục biết ông, lấy làm mừng rỡ, sai người ra mời ông vào nói chuyện. Ông từ chối. Nhưng họ khẩn khoản mời bằng được. Bất đắc dĩ ông phải vào...

Làng dọn cỗ mời, buộc lòng ông phải ngồi vào mâm dưa nâng chén. Có dịp quan sát, ông mới thấy rằng dân làng này có nhiều người giỏi xoay xở, lắm kẻ làm ăn mảnh mung, không mấy lương thiện. Bọn hương hào, kỳ mục toàn là những tay anh chị, giàu có lại hợm của.

Chuyện trò giữa họ và ông cứ rời rạc. Ngán quá, ông toan bỏ về. Nhưng họ cố giữ ông lại, nói :

- Chẳng mấy khi được gặp cụ, xin cụ nán lại cho, sáng mai nhờ cắm đất cho... Kéo cụ đã đi thì khó lòng tìm lại được.

Nài mãi ông mới chịu ở. Bấy giờ các cụ kỳ mục hào lý mới bộc lộ hết ý định của mình :

- Xin cụ cắm đất cho dân làng được nhiều người hiền đạt. Xưa nay chúng tôi ít chữ, mãi đi kiếm ăn, chỉ làm nghề xoàng xĩnh thôi.

Ông Tả Ao mỉm cười :

- Muốn thế chẳng khó gì, chỉ quay lại cái hướng đình là được thôi.

Các ông kỳ mục thích chí, vỗ đùi đánh đét nói luôn :

- Xin cụ tận tâm cho. Chúng tôi chỉ xin được nhiều người làm quan to, đi đâu nghênh ngang, thiên hạ phải nể và tránh xa. Như thế chúng tôi mới mãn nguyện.

Hôm sau, các ông hào lý đến sớm, mời ông đi cắm đất. Ông chỉ ngắm nghía một lúc, rồi cắm cho hướng đình chệch sang một chút về phía tây.

Các ông kỳ mục liền sau đó, họp bàn, sức cho dân làng tiền đóng, gạo góp để xoay lại hướng đình. Và, từ đó ai cũng yên chí rằng chỉ ngày một ngày hai nữa là phát quan to. Nhưng chờ mãi chẳng thấy quan to xuất hiện, chỉ có mấy anh đàn ông học đâu được cái nghề đan bồ,

gánh đi bán. Dần dần, dân làng bắt chước nhau, thành ra cả làng làm nghề đan bồ và bán bồ.

Chả là bồ to, kênh cang gánh đi nghênh ngang trên đường, ai gặp mà không phải tránh ra xa !

3. ĐỂ CUỘC ĐẤT PHÁT NGHỀ ĐÓNG CỐI

Ông Tả Ao nhớ độ đường, vào ngủ nhờ một làng nọ. Từ lâu, ông đã nghe đồn đại rằng làng làm nghề hàng xáo⁽¹⁾. Đàn bà lam lũ suốt ngày, tóc tai, quần áo đầy bụi cám, quanh năm vất vả. Còn bọn đàn ông thì ngay lưng, chơi dài, lại rượu chè be bét, cờ bạc thâu canh. Đã ăn bám vợ, lại chơi bời đàn đấm, ông đâm ghét, định bụng có dịp sẽ kiếm cho đám đàn ông ấy một cái nghề gì đó, bắt họ phải làm việc.

Nhân có các cụ kỳ mục biết tiếng ông, kéo nhau đến mời ông ở lại, nhờ xem cuộc đất. Đã chủ bụng từ lâu, nên ông vui vẻ nhận lời. Ở lại mấy hôm, được các cụ kỳ mục đưa đi mọi nơi, xem xét phong thổ của làng. Nhờ vậy, ông cũng được tai nghe mắt thấy đời sống thường ngày cơm tấm, nước dưa của mọi nhà, mới biết có nhà cụ tiên chỉ làng, đời sống có phần khá giả hơn

⁽¹⁾ Nghề xay giã thóc gạo, đem đi bán khắp nơi.

chút ít, là nhờ có nghề đóng cối, buôn cối⁽¹⁾. Ông nghĩ ngay nghề cho đám đàn ông ấy là đây, chứ còn đi đâu xa nữa. Đến một cái gò đất ở cuối làng, ông dừng lại ngắm nghía, rồi nói với các cụ kỳ mục rằng :

- Cái gò đất này không lợi cho làng các cụ mấy. Nó chẳng được phần đình lại kém cả phần phú. Xin chừa cho một tý là lợi cả hai.

Các cụ kỳ mục thấy nói như vậy, thì nức nở khen :
"Ông Tả Ao là thánh địa lý !".

Nghe lời ông, các cụ sai tuần đình mang mai cuốc ra phạt bớt hai phần đất ở hai đầu gò. Tức là theo ông, chặt bớt hai cái cánh con chim ưng, cho còn lại cái hình tròn như cái cối xay lúa. Và, hai bên gò đất chỉ còn lại một ít như hai cái tai cối... Ấy là người đời sau tán ra thế.

Đặt cuộc đất xong, ông Tả Ao vội vàng ra đi. Mặc cho dân làng muốn giữ ông lại thế nào cũng không được, biếu tiền cũng không lấy.

Ít lâu sau, quả nhiên làng này phát thật. Các bà vợ đẻ mần như vịt... cứ năm một sòn sọt, nên bận vào công việc chăm sóc bú mớm cho con nhỏ. Lại gặp lúc mất mùa, thóc cao gạo kém, đời sống trong các gia đình mọi người càng trở nên túng bấn, sa sút thậm tệ.

⁽¹⁾ Cối đây là cối xay lúa ngày xưa làm bằng tre và gỗ dẻ ở thớt cối.

Cánh đàn ông hết cách bớt xén tiền đi chợ của vợ để
sát phạt nhau, để hút xách, rượu chè, đánh kiếm cách
sinh sống. Nhân nhà cụ tiên chỉ làng có nghề đóng
cối, buôn cối, thuê nhiều thợ đóng cối đem đi bán,
xem ra cũng chạy lắm. Thế rồi, đôi đầu gối phải bò,
cánh đàn ông trong làng đổ xô vào làm nghề ấy. Thế
là về sau, làng này đã có nhiều thợ đóng cối giỏi.

ÍT TÔI VÀI VÀI NHÀ HẠO HOANG LA XONG

Ở đây là một làng nhỏ, có một ngôi nhà rất đẹp.
Đó là ngôi nhà của một người giàu có, người
có nhiều tiền bạc, có nhiều ruộng đất, có nhiều
của cải. Người này rất thích xây dựng, thích
làm đẹp ngôi nhà của mình. Ông đã xây dựng
ngôi nhà này rất đẹp, rất khang trang. Ông đã
trồng nhiều cây cối, nhiều hoa quả. Ông đã
làm nhiều việc thiện, giúp đỡ người nghèo.

CỐ DUỒN

Cố Duồn họ Trần, quê làng Cổ Đàm, xã Xuân Hóa, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Là một nông dân nghèo, ít học, nhưng lại có tài kể chuyện tiểu lâm, sáng tác hò vè nhanh nhay. Vốn vui tính, hay dí dỏm, do vậy chỗ nào có mặt ông, dù giữa buổi làm đồng, hay dưới đêm trăng quây quần bên ấm nước chè xanh trong các gia đình ở thôn xóm, là ở đó thường vang lên tiếng cười rộn rã.

Ngoài những chuyện kể mang tính chất đùa nghịch cốt để gây cười thoải mái, một mảng chuyện của cố Duồn mang nội dung châm biếm những kẻ có chức, có quyền ưa hà hiếp kẻ dưới, cũng như những kẻ giàu có hợm của.

1. EM CHỈ CẦN XẮN VÁY LÊN MỘT TÍ LÀ XONG

Một thầy lang trong làng có tính keo bản lại khinh người, Cố Duồn định bụng cho y một bài học. Một hôm tại nhà y có đông người trò chuyện, Cố lân la tới chơi. Ai cũng bảo Cố kể chuyện vui. Cố cười :

- Tôi kể chuyện thật chứ chẳng phải bịa !
- Thì kể đi. Càng thật càng hay.
- Nhưng mà thầy lang có cho phép không đã.

Thầy lang ra vẻ độ lượng :

- Cố cứ việc kể. Chuyện vui là được rồi. Nếu có gì thiếu sót cũng rộng lòng chứ hẹp gì !

Cố Duồn thông thả :

- Tôi xin kể một chuyện. Có một chị đàn bà đau mắt, được người ta bày cho cách rửa bằng nước giải của mình. Lành rồi, chị ta tự cho mình có tài làm thuốc. Một hôm, trước mặt đông đủ các cụ lang đang bàn tán về tài chữa bệnh của ông này ông khác, chị ta chen ngang vào : "Nói vô phép các thầy, các thầy học hành thông tuệ nên ngoại thương, nội cảm thì các thầy ăn đứt em, chứ còn chữa cái bệnh đau mắt thì em nhất định ăn đứt các thầy ! Em chỉ xắn xắn (váy) lên một tí (tí) là xong.

2. ĐÁI MAU... ĐEM CHO LÀNG UỐNG

Trước đình làng có một cây trám. Ở Nghệ Tĩnh, tiếng địa phương gọi trám là cây mui (đồng âm với môi). Cố Duồn đứng trong đình thấy có người đi giải bên gốc cây. Cố kêu lên :

- Này anh kia, sao lại đá vào "mũi" làng !

Mấy cụ quan viên ngồi trong nghe tiếng, cho là Cổ xỏ, liền gọi Cổ vào bắt phạt. Sao không nói hấn đá vào cây, lại bảo "mũi" làng. Hóa ra hấn đá vào mồm làng. Họ âm ỉ một hồi, rồi bắt Cổ chịu phạt vạ.

Cổ phải nhắn người gọi vợ ra xách cái chai đi mua rượu về tạ làng. Chờ một hồi lâu, mới thấy bà vợ tất tả xách chai rượu từ đằng xa chạy lại. Trước khi vào đình, bà vợ lại ghé vào một bụi cây để tiểu tiện. Cổ Duồn nhìn ra, liền gọi âm lên :

- Mau lên mẹ mi ơi ! Đá mau rồi mang vào cho làng uống !

ÔNG TUYN

Ông Tuyen tên thật là Nguyễn Tuyen, người làng Bích Giang, xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, sinh năm 1890, mất năm 1966.

Là một nông dân ít học, nhưng lanh lợi, thông minh. Thời thanh niên ông đi lính cho Pháp sang Lào. Ông học được nghề phù thủy và kiếm sống bằng nghề này. Ông thích ngao du đây đó, sống đời lãnh tử, lang bạt, không bằng lòng với cuộc sống bình lặng nơi làng quê. Tính khí ông vui vẻ, hóm hỉnh, nhiều khi cũng ngang bướng, lý sự ra trò, kể cả với quan làng, với những người có quyền thế.

Cuộc đời ông đã để lại nhiều chuyện khôi hài, dí dỏm và không kém phần thông minh, lém lỉnh của một người nông dân miền đất đầy gió cát Quảng Trị. Mặc dù ông mất đã lâu, nhưng hiện nay ở quê ông và vùng lân cận vẫn còn lưu truyền trong dân gian những chuyện cười lạc quan, thú vị mà người ta quen gọi là chuyện cười ông Tuyen.

1. QUAN HUYỆN MẮC LỖM

Thời kỳ làm hội tề làng Bích Giang, trong một đợt huyện huy động nộp tre để làm hàng rào, ông Tuyn không huy động dân làng nộp, trong khi các làng xã khác đã nộp đầy đủ. Nhìn vào sổ thu, quan huyện gọi ông, nguyên là hội tề làng Bích Giang lên nạt nộ :

- Tại sao làng ông không nộp tre ?

Ông thần nhiên :

- Dạ tui đã nộp rồi, tui còn cẩn thận đánh dấu từng bó nữa. Mời quan ra coi.

Nói rồi, ông Tuyn dẫn quan huyện ra sân và chỉ vào những bó tre mà ông đã vác thừa lúc các làng khác nộp xong, hôm trước ông lên đến đánh dấu sơn đỏ với từng bó và ghi B.G tên làng ông.

Do sơ ý không kiểm soát chặt chẽ, quan huyện đành chịu thua ông, lần đó làng Bích Giang khỏi nộp tre.

2. CHỢC CÔ BÁN BÌNH SỨ

Một hôm, ông Tuyn ra chợ mua cái bình sứ. Ông hỏi chị bán hàng :

- Cái bình ni mấy tiền ?

Chị bán hàng đáp :

- Năm trăm đồng.

Ông ta ngã giá :

- Một trăm có được không ?

Chị bán hàng giọng chanh chua :

- Một trăm thì mới ngang giá cái vôi.

Thế là ông Tuyn rút ngay trong túi ra một trăm đồng, ném cho chị bán hàng, đồng thời lấy tay bẻ luôn cái vôi rồi cầm đi, bỏ lại một cái bình sứ sứt vôi.

Chị bán hàng giận tím ruột, nhưng đành chịu, chỉ biết chửi đổng phía sau lưng ông.

3. ĐI XE KHÔNG TIỀN

Ông Tuyn từ chợ Đông Hà lên. Đã trưa, ông đón xe khách chạy tuyến đường Đông Hà - Cam Lộ. Xe dừng lại, ông bước lên bên tài xế :

- Chú ơi, cho tui xin lên Cam Hiếu.

- Dạ, mời bác lên !

Ông chạy lui sau xe, gặp anh phụ :

- Anh ơi, cho tui xin lên Cam Hiếu.

- Bác lên đi, lệ nghe.

Lên đến Cam Hiếu, ông bước xuống xe. Cả tài và phụ đều hỏi tiền. Ông lý sự :

- Tui không có tiền, tui mới xin hai anh và hai anh đồng ý cho đi. Còn nếu có tiền, mắc chi tui lại xin như vậy. Hai anh đã cho đi tức là không lấy tiền. Thế rồi, ông bỏ đi, mặc cho cả tài, phụ và hành khách ngỡ ngàng.

4. THẦY PHÙ THỦY NẶNG BỤNG

Ông Tuyn vốn làm nghề phù thủy. Có lần, ông xách khăn gói đi cúng ở một làng xa. Đang gõ mõ, đọc sớ tấu, đến đoạn "Việt Nam cộng hòa quốc, Quảng Trị tỉnh, Cam Lộ huyện" thì đột nhiên ông đánh rắm. Hơi trên với người bên cạnh, ông đọc luôn : - "Xẩm xẩm rắm ai ?"

- Xẩm xẩm rắm Tuyn. Người bên cạnh đáp.

- Oan Tuyn thì Tuyn chịu. Ông đọc tiếp và cứ thế, ông tiếp tục gõ mõ, đọc sớ cúng cho đến lúc lễ tất với một giọng trang nghiêm, đĩnh đạc, đúng điệu của một thầy phù thủy lành nghề.

5. GIỖN MẶT THẦY CẢNH SÁT ĐÔNG HÀ

Ông Tuyn đi qua bót cảnh sát Đông Hà. Nơi đây vốn ít người dám lai vãng, chứ đừng nói đến cả gan chơi khăm các ngài cảnh sát. Thế mà ông Tuyn dám dở trò quý kẻ. Ông gói sẵn một gói phân người, lẳng lẳng ném qua bên bót cảnh sát, rồi đi ra xa cách đó

chùng vài mét làm động tác giả, tuột quần ngồi chum hum. Một cảnh sát thấy vậy, liền chạy tới chỉ tay quát tháo âm ỉ, đòi bắt giam ông. Ông Tuyn đứng dậy :

- Dạ thưa, tui cứ tưởng ở đây cũng “đi” được, vì tui thấy ngay cạnh bên bốt cũng có cái ấy... cơ mà.

Viên cảnh sát quay lại nhìn và thấy đúng là “có”, nên đành chịu, nhưng không quên hăm ông mấy câu. Còn ông, điềm nhiên sửa lại chiếc nón, rồi tũm tĩm cười và đi ra khỏi khu vực bốt.

6. GIẢ MÙ ĐƯỢC CHIÊU ĐÃI

Ông Tuyn thường về các làng nên thanh thiếu niên biết ông rất nhiều. Một lần ông về làng N, gặp một tốp thanh niên. Chúng giữ ông lại và thách đố :

- Ông ơi, chúng cháu xin đãi ông một chầu rượu, nếu như...

- Cái chi ? Ông hỏi.

- Thưa ông, ở ngoài giếng kia có mấy cô gái đang tắm. Ông mà ra tận nơi để nhìn được là tụi cháu xin hầu ông.

- Dễ ợt !

Nói rồi, ông bắt đầu thực hiện kế hoạch. Ông bẻ một cành cây bên đường làm gậy, đội nón, nhắm mắt

lại, giả người lão mù. Cứ thế, ông bước lần mò đến cái giếng tận ngoài lùm cây rậm rạp. Các cô gái đang tắm thấy ông già mù nên không sợ, lại cười khúc khích. Ông Tuyn lần đến được giếng và nói :

- Các cháu ơi, ông khát nước quá, cho ông xin một miếng.

Một cô múc nước đưa cho ông. Ông uống một hơi xong, khà một tiếng thật mạnh, thể hiện rất khoái trá. Đoạn mở mắt ra, tỉnh bơ nói :

- Cám ơn các cháu, chà nhờ miếng nước giếng mát quá, mà ông sáng mắt ra.

Thấy thế, các cô gái đỏ mặt mắc cỡ, chạy trốn hết. Đám thanh niên phục mưu cao của ông và thực hiện lời hứa chiêu đãi ngay ông một chầu rượu.

7. HIỂU NHẦM

Ông Tuyn đi hớt tóc. Người thợ hỏi :

- Bác hớt kiểu chi ?

- Hết trơn. Ông nói.

Anh thợ nghĩ “hết trơn” có nghĩa là cắt trụi hết, nên cứ cầm tông-đơ húi trọc đầu ông Tuyn. Xong, anh thợ hỏi tiền. Ông Tuyn chững chạc nói :

- Miếng (mình) bảo khi nãy hết trơn, tức là không còn đồng nào trong túi. Thấy anh không có phản ứng chi, miếng yên trí là anh vui lòng giúp cho. Bây giờ anh lại đòi tiền, miếng lấy đầu mà trả... Thôi, xin cảm ơn anh nghe, coi như anh thợ cắt giùm.

Rồi ông ôm đầu trọc ra đi.

8. LỪA BÀ CHỦ QUÁN

Đọc đường về nhà, ông Tuyn ghé vào một quán bên đường, ăn uống no say. Trời tối, thấp đèn dầu, bà cụ chủ quán đã già, mắt lèm nhèm nên nhìn khách không được rõ. Đoán chừng khách đã ăn xong, bà cụ tiến gần ông Tuyn và hỏi :

- Bác nào ăn xong thì trả tiền cho tôi.

Ông Tuyn liền chỉ tay ra ngoài và nói :

- Tui thấy một ông mới đi ra, còn tui nãy giờ đau răng, chỉ uống ngụm nước, có ăn uống chi mô.

Bà cụ nhìn kỹ lại, quả thấy má ông sưng vù. Thế là ông Tuyn khỏi trả tiền, thủng thẳng bước ra khỏi quán, vừa nhổ trái chanh trong miệng ra, vừa cười tủm tỉm một mình.

9. NÓI LÁI

Buổi tối ông Tuyn đi soi cá bằng một cái đèn tự tạo rất lạ mắt. Thấy vậy, lũ học trò vốn hay chữ đến hỏi ông :

- Thưa ông, đèn làm bằng cái chi ?

Ông thấy bọn nhỏ lắc các, bèn trả lời : Bằng há cộp. Lũ trẻ ngẩn ngơ tìm hết sách vở vẫn mù tịt. Hôm sau chúng hỏi lại, ông mới giải thích : Là đèn làm bằng hộp cá.

*

* *

Lại có một chị phụ nữ bị bệnh dạ con (tử cung), chạy chữa đã nhiều mà bệnh tình cũng không giảm. Có người bày chị nên rước thầy cúng, may ra có thể khỏi (?).

Trong lúc thầy cúng đang bày bán, đốt hương đèn cúng bái, ông Tuyn đi ngang qua, thấy thế cũng hơi nóng gáy (vì bản thân ông cũng là thầy phù thủy) bèn thốt lên một câu :

- Cúng bái chắc chi bệnh ấy đã khỏi. Chi bằng cho tôi một mối lữa, tôi làm hết bệnh ngay.

Có người nghe thế mới hỏi ông :

- Lửa thì làm sao chữa hết được bệnh đau dạ con?

Ông Tuyn đáp :

- Có gì đâu. Tôi châm lửa đốt đại đi, thì dù "dà
mạ" (nhà mẹ) cũng cháy nữa là "dà con" (nhà con)⁽¹⁾.

(1) Theo lối phát âm địa phương : dấu *huyền* và dấu *nặng* không phân biệt rõ. Tiếng *nhà* được phát âm thành *dà*.